TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nhung
2. Ông Dương Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1970
2. Bị đơn: Anh Trần Đình P, sinh năm 1965

Đều trú tại: Thôn Phú H, xã I, huyện C, tỉnh G. Đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2019, bản tự khai ngày 16/01/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị H và anh Trần Đình P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ K, huyện Đ, tỉnh B vào ngày 23/12/2002 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn, mua bán thua lỗ, tiền bạc mất mát, anh P thường xuyên rượu chè, cờ bạc, gái gú về chửi bới chị làm chị mệt mỏi, áp lực về tinh thần ảnh hưởng đến sức khỏe. Nay xét thấy tình cảm với anh P không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Đình P.

- Về con chung: Chị H và anh Trần Đình P có hai con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17/11/1990 và Trần Quang H, sinh ngày 12/6/1992.

Hiện các cháu Trần Minh H và Trần Quang H đã trưởng thành, sống tự lập.

Về con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

***** *Tại Bản tự khai ngày 02/3/2020 và trong quá trình xét xử anh Trần Đình P trình bày:*

Chị Phạm Thị H xin ly hôn bản thân anh P muốn kéo dài thời gian thêm một năm nữa để cho 02 đứa con của anh lấy vợ, lập gia đình xong thì hai vợ chồng ly hôn cũng chưa muộn.

Anh P không có ý kiến gì về con chung và tài sản.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Phạm Thị H với anh Trần Đình P.

Về con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Đình P có nơi cư trú tại thôn Phú H, xã I, huyện C, tỉnh G thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Đình P đăng ký kết hôn ngày 23/12/2002 tại xã Đ K, huyện Đ K, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Từ tháng 12/2016 đến nay chị H và anh P thường xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau như vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2020 Thôn trưởng thôn Phú H, xã I, huyện C cho thấy: vào năm 2018 gia đình chị H, anh P xảy ra mâu thuẫn, hệ thống chính trị thôn Phú H có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Phạm Thị H và anh Trần Đình P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P thực sự đã không tồn tại kể từ tháng 12/2016 cho đến nay; Chị Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình P là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Đình P là hợp lý.

- Về con chung: Chị H và anh P có hai con chung là Trần Minh H, sinh ngày 17/11/1990 và Trần Quang H, sinh ngày 12/6/1992. Hiện các cháu Trần Minh H và Trần Quang H đã trưởng thành, sống tự lập. Về con chung chị H và anh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H ly hôn anh Trần Đình P

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006151, ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THS DS huyện C;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh